

LỊCH SỬ - VĂN HÓA

CHỦ NGHĨA DÂN SINH CỦA TÔN TRUNG SƠN VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

CHU THÙY LIÊN*

Tóm tắt: Cách đây đúng một thế kỷ, vào mùa Thu năm 1905, lần đầu tiên, khái niệm Chủ nghĩa Tam dân được Tôn Trung Sơn đề cập đến trong Lời Phi lộ (Lời Nói đầu) của tờ Dân báo. Nó bao gồm ba nội dung lớn: Chủ nghĩa Dân tộc, Chủ nghĩa Dân quyền và Chủ nghĩa Dân sinh, trong đó Chủ nghĩa Dân sinh với những chủ trương về bình quân địa quyền, người cày có ruộng, tiết chế tư bản v.v... nhằm đảm bảo những nhu cầu dân sinh tối thiểu cho người dân được Tôn Trung Sơn đánh giá ngang hàng với cuộc cách mạng xã hội, là nhân tố có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong học thuyết Tam dân, bởi theo ông: “Dân sinh là đời sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng”.

Từ khóa: Tôn Trung Sơn, Chủ nghĩa Dân sinh

Cách đây đúng một thế kỷ, vào mùa Thu năm 1905, lần đầu tiên, khái niệm Chủ nghĩa Tam dân được Tôn Trung Sơn - vị lãnh tụ vĩ đại của phong trào cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc đầu thế kỷ XX - đề cập đến trong Lời phi lộ (Lời Nói đầu) của tờ Dân báo - cơ quan ngôn luận của Đồng Minh hội Trung Quốc, một tổ chức cách mạng do ông thành lập. Chủ nghĩa Tam dân bao gồm ba nội dung lớn: Chủ nghĩa Dân tộc, Chủ nghĩa Dân quyền và Chủ nghĩa Dân sinh. Cương lĩnh đấu tranh của nó là *Đánh đổ giặc Thát, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, bình quân địa quyền*. Đây chính là cơ sở lý luận chỉ đạo thành công cuộc cách mạng Tân Hợi (khởi nghĩa Vũ Xương)

năm 1911 ở Trung Quốc, lật đổ sự thống trị của chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế tồn tại mấy nghìn năm, xây dựng nên chính thể cộng hòa đầu tiên - Trung Hoa dân quốc, mang lại sự chuyển mình quan trọng cho lịch sử Trung Quốc cận đại.

Trong ba nội dung lớn của Chủ nghĩa Tam dân, Chủ nghĩa Dân sinh được Tôn Trung Sơn trình bày cuối cùng. Nó là mục tiêu mà Chủ nghĩa Dân tộc và Chủ nghĩa Dân quyền không ngừng tiến tới. Chủ nghĩa Dân sinh được Tôn Trung Sơn đánh giá ngang hàng với cuộc cách mạng xã hội, là nhân tố có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong học thuyết Tam dân, bởi theo ông: “Dân sinh là đời sống

*Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng”¹.

I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA DÂN SINH

Theo Tôn Trung Sơn, dân sinh vốn là một tư tưởng truyền thống của nhân dân Trung Quốc. Vì vậy, ông hy vọng, bằng những lý luận đề ra trong Chủ nghĩa Dân sinh thì có thể kêu gọi quần chúng nhân dân đấu tranh xóa bỏ sự bất bình đẳng về kinh tế, đem lại sự ấm no cho tất cả mọi người, làm cho đất nước trở nên hùng mạnh. Trong bài *Chủ nghĩa Tam dân và tiền đồ của Trung Quốc*, Tôn Trung Sơn khẳng định: “Mục đích của chúng ta là mưu cầu hạnh phúc cho Trung Quốc. Vì không chịu sự chuyên chế của một nhóm người Mãn mà phải làm cách mạng dân tộc. Vì không chịu sự chuyên chế của một ông vua mà phải làm cách mạng chính trị, không chịu để một nhóm nhà giàu độc quyền mà phải làm cách mạng xã hội”².

Trong xã hội Trung Quốc cận đại, vấn đề sinh tồn của xã hội đang bị đe dọa nghiêm trọng. Sự bóc lột của chủ nghĩa đế quốc về kinh tế đã phá vỡ nền kinh tế truyền thống lâu đời ở Trung Quốc, làm cho vấn đề sinh kế và sinh mệnh của nhân dân trở nên khôn khó. Trong hoàn cảnh đó, tư tưởng dân sinh của Tôn Trung Sơn đã vạch ra con đường giải quyết vấn đề đói nghèo cho dân tộc, phục hưng đất nước Trung Hoa, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội phát triển công bằng, văn minh, nên trên thực tế nó đã lôi kéo được lực lượng quần chúng đông

đảo đi theo sự nghiệp cách mạng mà Tôn Trung Sơn gây dựng.

Có thể thấy, tư tưởng dân sinh của Tôn Trung Sơn đã được manh nha từ rất sớm. Ngay từ năm 1894, trong bức thư gửi lên Lý Hồng Chương – một viên quan có ít nhiều tư tưởng cải cách trong triều đình Mãn Thanh, Tôn Trung Sơn đã đề xuất chủ trương “người có thể phát huy hết tài năng của mình, đất có thể phát huy hết cái lợi của mình, vật có thể phát huy hết tác dụng của mình, hàng hóa có thể chảy hết dòng lưu thông của mình”. Năm 1895, trong *Tuyên ngôn Hưng Trung hội Hồng Kông*, ông lại viết: “Cần phải khiến cho 400 triệu người dân Trung Quốc được hưởng quyền lợi của mình”... Tuy nhiên, tư tưởng dân sinh của Tôn Trung Sơn chỉ thực sự được hình thành vào năm 1896, khi Tôn Trung Sơn vừa mới thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh. Do đó, trong giai đoạn đầu, nó chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của những biến động xã hội ở châu Âu sau cuộc cách mạng công nghiệp.

Xuất phát từ thực trạng Trung Quốc vốn là một nước nông nghiệp truyền thống, trong giai đoạn đầu, Tôn Trung Sơn cho rằng, vấn đề ruộng đất là cái gốc của tất cả các vấn đề xã hội. Nếu ruộng đất được phân chia đồng đều thì sự phân biệt giàu nghèo không quá gay gắt. Ngược lại, nếu có sự bất bình đẳng, nó sẽ tạo nên những vấn đề xã hội nghiêm trọng. Vì vậy, khi thành lập Đồng Minh hội vào năm 1905, Tôn Trung Sơn đã coi *binh quân địa quyền* là một trong bốn cương lĩnh lớn của hội. Năm 1906, trong bài *Chủ nghĩa Tam dân và tiền đồ của dân tộc Trung Quốc*, ông đề xướng thực

hiện bình quân địa quyền, quy định giá đất, thực hiện quy phân gia tăng giá trị của giá đất về sở hữu chung của toàn dân... Năm 1907, lần đầu tiên ông đề xuất chủ trương *người cày có ruộng*.

Năm 1911, cách mạng Tân Hợi bùng nổ và giành thắng lợi. Ngày 1 - 1 - 1912, Chính phủ lâm thời nước Cộng hòa tư sản đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc ra đời, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng của lịch sử Trung Quốc. Để chế phong kiến chuyên chế thống trị Trung Quốc mấy nghìn năm hoàn toàn sụp đổ. Tôn Trung Sơn nhận định rằng: Vấn đề dân tộc và dân quyền về cơ bản đã hoàn thành, nhiệm vụ cụ thể lúc này của cách mạng Trung Hoa là tập trung giải quyết vấn đề dân sinh. Xuất phát từ yêu cầu trên, dựa vào kinh nghiệm và thực tiễn cách mạng của mình, trong giai đoạn này, Tôn Trung Sơn đã bổ sung và hoàn thiện lý luận về Chủ nghĩa Dân sinh mà ông đã ấp ủ lâu nay.

Nhìn một cách tổng quát, Chủ nghĩa Dân sinh trong giai đoạn mới được trình bày một cách cụ thể và khoa học hơn. Bên cạnh những lý luận mới về Chủ nghĩa Dân sinh, Tôn Trung Sơn còn bổ sung những phương pháp nhằm thực thi Chủ nghĩa Dân sinh. Trước đó, vấn đề dân sinh chỉ được nhìn nhận qua cuộc "cải cách ruộng đất" theo nguyên tắc "bình quân địa quyền". Cuộc cải cách ruộng đất này không xuất phát từ việc giải quyết vấn đề đời sống của nhân dân, xoá bỏ nghèo nàn lạc hậu mà xuất phát từ động cơ chạy trốn những "hậu quả tệ hại" nảy sinh trong xã hội tư bản. Song, sau cuộc cách mạng Tân Hợi, Chủ nghĩa Dân sinh đã được bổ sung khá đầy đủ với nội dung là giải quyết vấn đề sinh kế

và sinh mệnh của nhân dân. Tôn Trung Sơn cho rằng, trong xã hội văn minh, vấn đề dân sinh có vai trò đặc biệt quan trọng vì: "Hiện nay vấn đề dân sinh đã trở thành trào lưu của các nước trên thế giới (...) Có thể nói, Chủ nghĩa Dân sinh là chủ đề bản chất của chủ nghĩa xã hội"³. Không những thế, ông còn khẳng định: "Dân sinh là trọng tâm của tiến hoá xã hội, tiến hoá xã hội là trọng tâm của lịch sử"⁴. Từ những nhận thức tiến bộ này, Tôn Trung Sơn đã xác định đúng nhiệm vụ và mục đích của cuộc đấu tranh cách mạng mà đông đảo quần chúng nhân dân Trung Quốc đang theo đuổi. Ông nói: "Phải đưa trọng tâm của chính trị, xã hội, kinh tế trong lịch sử quy về vấn đề dân sinh, lấy dân sinh làm trung tâm của lịch sử xã hội. Phải nghiên cứu rõ ràng vấn đề dân sinh, sau đó mới có biện pháp giải quyết vấn đề xã hội".

Sau khi đã xác định rõ mục tiêu phấn đấu của cách mạng Trung Quốc trong giai đoạn này là chú trọng đến việc giải quyết vấn đề dân sinh, tức là tập trung phát triển kinh tế để đảm bảo đời sống cho nhân dân, xây dựng nhà nước phồn vinh, thì ngoài việc chủ trương thực hiện bình quân địa quyền, Tôn Trung Sơn còn đề xướng tiết chế tư bản. Theo Tôn Trung Sơn, chỉ cần thực thi hai biện pháp trên thì có thể giải quyết được vấn đề dân sinh ở Trung Quốc.

II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DÂN SINH

1. Bình quân địa quyền và khẩu hiệu "người cày có ruộng"

Như đã trình bày ở trên, trong giai đoạn đầu, nội dung chính của Chủ nghĩa Dân sinh là tìm ra con đường xoá bỏ sự

đói nghèo, đảm bảo đời sống ấm no cho nhân dân. Do đó, Tôn Trung Sơn đã đề xướng việc cải cách ruộng đất theo khẩu hiệu *binh quân địa quyền*. Ông mong muốn trên cơ sở bình quân ruộng đất sẽ làm cho “nhà nhà mọi người đều ấm no, đất nước không có người nào không có của cải”⁵ như cương lĩnh của phong trào Thái Bình Thiên Quốc. Khẩu hiệu “*binh quân địa quyền*” của Tôn Trung Sơn dẫn đến yêu cầu phải quốc hữu hóa ruộng đất, hủy bỏ các quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời, làm cho việc buôn bán diễn thổ diễn ra hết sức tự do, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Nói một cách khác, bình quân địa quyền chính là tư tưởng về công hữu quyền ruộng đất. Mục đích của nó là khiến cho quyền ruộng đất trong cả nước đều được sử dụng một cách công bằng, hợp lý; đồng thời cũng khiến cho ruộng đất có thể phát huy hết tác dụng, đem lại lợi ích chung cho mọi người, chứ không phải là quan điểm chia đều ruộng đất theo nghĩa đen của từ này.

Cương lĩnh ruộng đất mà Tôn Trung Sơn nêu ra là sự tuyên chiến với chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến lạc hậu trong xã hội chuyên chế “*phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ*” (dưới gầm trời này không có chỗ nào không phải là đất của vua). Khẩu hiệu này nhằm xóa bỏ sự lũng đoạn diễn thổ của giai cấp thống trị phong kiến. Lý tưởng của nó là muốn đem lại cho quảng đại quần chúng nguồn tư liệu sản xuất, vốn là điều kiện cơ bản để giải quyết vấn đề cuộc sống của nhân dân. Có thể nói, một cương lĩnh như vậy ở một nước phong kiến lạc

hậu đã đóng vai trò cách mạng trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến. Bởi vì nó phần nào phản ánh được những nguyện vọng và quyền lợi thiết thân của người nông dân với yêu cầu về ruộng đất.

Từ những nhận thức trên, Tôn Trung Sơn đã đưa ra một số biện pháp cụ thể nhằm thực thi chế độ bình quân địa quyền ở Trung Quốc.

Bình quân địa quyền được nêu ra trong Chủ nghĩa Dân sinh cũ là biện pháp nhằm giải quyết vấn đề ruộng đất trong xã hội. Mục tiêu của nó là nhằm hạn chế bớt sự lũng đoạn và chi phối đất đai trong tay một số chủ đất giàu có. Đầu tiên, Tôn Trung Sơn chủ trương trao quyền định giá đất cho chủ đất. Theo ông, nếu chủ đất định giá thấp thì họ nhất định sẽ sợ chính phủ thu mua theo giá đó. Còn nếu định giá cao thì chủ đất lại sợ nhà nước trưng thu thuế nhiều. Cả hai cách đều khiến chủ đất chịu thua lỗ. Từ đó, Tôn Trung Sơn khẳng định: Xem xét đến sự được - thua, chủ đất nhất định sẽ không ra giá quá cao, cũng không ra giá quá thấp, mà họ sẽ đưa ra một mức giá trung gian hợp lý nhất cho chính phủ. Như vậy, cả hai bên chính phủ và chủ đất đều không ai bị thua thiệt. Quy định về giá đất chính là bước đi căn bản đầu tiên để thực hiện bình quân địa quyền.

Sau khi giá đất chính thức được công bố, nhà nước sẽ có quyền thu thuế và mua đất theo mức giá mà chủ đất quy định. Việc thu mua đất theo giá mà chủ đất đưa ra sẽ đem đến hai điều lợi cho nhà nước. *Thứ nhất*, nhà nước có thể lợi

dụng việc báo giá thấp do sợ bị thu thuế cao của các chủ đất mà có thể thu mua lại đất với giá rẻ. *Thứ hai*, quy định này có thể giúp nhà nước trưng thu đất đai tư nhân bất cứ lúc nào nhà nước cần sử dụng. Điều này thể hiện quyền chi phối cao nhất của nhà nước đối với đất đai. Quốc gia có quyền công hữu đất đai thì mới điều hoà, phân phối được nguồn tài nguyên này một cách hợp lý, khiến cho đất đai tạo ra được hiệu quả xã hội đúng với giá trị của nó, tránh tình trạng tư hữu, đầu cơ đất đai của một số ít chủ tư bản cũng như hiện tượng đất đai nhàn rỗi. Bên cạnh đó, nếu phần đất đã có giá trị lại tăng giá lên thì sẽ thu thêm một loại thuế nữa gọi là thuế phụ thu. Thuế phụ thu là phần tài sản công hữu, bởi vì giá tăng là do xã hội phát triển và công thương nghiệp tiến bộ. Công lao của mọi tiến bộ, phát triển này lại do lực lượng dân chúng kinh doanh mà có được. Do đó, sau bước tiến bộ và biến đổi trên, phần giá trị do giá đất tăng cao phải trả về cho đại chúng, không nên quy về sở hữu tư nhân. Tôn Trung Sơn đưa ra một ví dụ: “Có một chủ đất, hiện nay báo giá một khoảnh đất là 10 vạn nguyên (100.000 đồng), sau vài chục năm, giá mảnh đất ấy tăng lên 1 triệu nguyên, phần tăng cao 90 vạn nguyên, theo biện pháp của tôi, đều quy về công hữu của dân chúng”⁶, để giúp dân chúng cải tạo xã hội, phát triển công thương nghiệp. Biện pháp thu thuế đất và công hữu phần thuế phụ thu có ý nghĩa rất lớn để đảm bảo quốc kế dân sinh. Nó tạo ra nguồn kinh phí quốc gia để phục vụ cho các mục tiêu phúc lợi xã hội, thúc đẩy sự

tiến bộ xã hội, khiến cho đất nước ngày càng hưng thịnh, sự nghiệp công ích ngày càng phát triển; không những thế còn giảm bớt gánh nặng thuế khoá cho nhân dân, giá cả cũng giảm xuống và đời sống của người dân dần trở nên sung túc. Chính vì vậy, Tôn Trung Sơn đã coi bình quân địa quyền là phương pháp hợp lý nhất để giải quyết vấn đề ruộng đất ở Trung Quốc trong thời kỳ đó.

Sau cách mạng tháng Mười Nga, bình quân địa quyền được cụ thể hoá hơn bằng khẩu hiệu *người cày có ruộng*. Khác với trước kia, việc giải quyết vấn đề ruộng đất đã kết hợp chặt chẽ với yêu cầu ruộng đất của nông dân. Theo ông, muốn sản xuất nông nghiệp phát triển, nâng cao sản lượng thực phẩm đáp ứng yêu cầu của nhân dân thì phải thực hiện “người cày có ruộng”. Biện pháp để thực hiện khẩu hiệu này là nhà nước phải đưa ra những quy định về luật ruộng đất, luật trưng thu ruộng đất nhằm hạn chế diện tích đất đai tư hữu. Nếu diện tích đất đai mà chủ đất sở hữu vượt quá mức quy định thì sẽ phải bán đi, hoặc nhà nước sẽ trưng thu phần dư thừa đó. Điều này sẽ tránh được tình trạng người thì có quá nhiều ruộng đất, còn kẻ thì lại không có ruộng đất để sinh sống, đảm bảo quyền sở hữu ruộng đất cho người nông dân. Bên cạnh đó, nhà nước cũng có thể cấp vốn và ruộng đất, hoặc cho người nông dân thuê đất để họ trực tiếp canh tác; giúp đỡ nông dân trong kỹ thuật canh tác, phát triển sản xuất, xây dựng các công trình thuỷ lợi tưới tiêu, khai khẩn đất hoang v.v... Như vậy, chủ trương của chính phủ Trung Hoa dân quốc là tạo cho người nông dân thiếu

ruộng có thể hưởng quyền sở hữu ruộng đất canh tác. Tôn Trung Sơn cho rằng, chỉ có thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” thì mới có thể giải quyết được vấn đề cùn khổ của nông dân. Đó mới là cuộc cách mạng triệt để mang tính chất xã hội chủ nghĩa.

Như vậy là đến giai đoạn này, Tôn Trung Sơn đã nhận thức được vai trò kinh tế, xã hội, cũng như chính trị của giai cấp nông dân, một lực lượng chiếm gần 90% dân số Trung Quốc. Đối với một nước nửa phong kiến, nửa thuộc địa như Trung Quốc thì đây là một vấn đề có ý nghĩa cách mạng to lớn. Nó phản ánh trình độ nhận thức mới của Tôn Trung Sơn đối với vị trí và sức mạnh của quần chúng nhân dân lao động - những người làm nên lịch sử.

2. Tiết chế tư bản

Chủ nghĩa Dân sinh trong giai đoạn mới chủ trương không cho thiếu số tư bản và địa chủ thao túng quốc kế dân sinh, đồng thời yêu cầu phát triển mạnh mẽ nền công nghiệp của Trung Quốc dưới hình thức tư bản nhà nước. Để thực hiện điều này, Tôn Trung Sơn đề ra hai chính sách: tiết chế tư bản tư nhân, phát triển tư bản nhà nước.

(1) *Tiết chế tư bản tư nhân.* Theo Tôn Trung Sơn, mục đích của tiết chế tư bản tư nhân là khiến cho chế độ tư bản tư nhân không thể thao túng quốc kế dân sinh, ngăn chặn sự tập trung của cải quá mức vào tay tư nhân, tạo nên sự phân biệt giàu nghèo. Trong giai đoạn đầu của công nghiệp hoá, để phát triển sức sản xuất thì không thể không cho phép sự tồn tại của doanh nghiệp tư nhân.

Nhưng sự tồn tại của các doanh nghiệp này rất dễ dẫn đến tình trạng phân biệt giàu nghèo. Chính vì thế, tiết chế tư bản tư nhân chính là một biện pháp tốt, vừa có thể thúc đẩy được sự phát triển của sản xuất, lại vừa ngăn chặn được hành vi thao túng nền kinh tế của một số ít nhà tư bản.

Tôn Trung Sơn nêu ra 4 biện pháp nhằm tiết chế tư bản tư nhân: *Thứ nhất*, hạn chế phạm vi kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân bằng cách quốc hữu hoá tất cả các doanh nghiệp có quy mô lớn, kinh doanh trong những lĩnh vực mang tính chất độc quyền để nhà nước quản lý như: ngân hàng, đường sắt, hàng hải v.v... Như vậy có thể thấy, Tôn Trung Sơn đã giới hạn hoạt động kinh doanh của tư bản tư nhân trong phạm vi những ngành nghề thông thường, không mang tính độc quyền với quy mô nhỏ, hoặc những lĩnh vực mà nhà nước uỷ quyền cho tư nhân khai thác. Tất cả doanh thu của các doanh nghiệp đã được quốc hữu hoá phải giao nộp cho nhà nước, để nhà nước sử dụng vào các nhu cầu công cộng và lợi ích chung của quốc dân. *Thứ hai*, nộp thuế trực tiếp. Đây là biện pháp trưng thu thuế thu nhập và thuế sản xuất của các nhà tư bản trên cơ sở thuế suất lũy tiến. Nếu các nhà tư bản tư nhân kiếm được lợi nhuận càng nhiều thì mức thuế càng cao. Vì thế, khi nhà nước sử dụng biện pháp này thì có thể ngăn chặn được một cách có hiệu quả nhất tình trạng của cải tập trung quá nhiều vào tay các nhà tư bản. *Thứ ba*, cải tạo xã hội và công nghiệp, tức là dùng lực lượng nhà nước buộc các nhà tư

bản phải bảo đảm những quyền lợi tối thiểu như giáo dục, y tế... cho người lao động, giảm bớt lợi nhuận của các nhà tư bản. Đây là một biện pháp tiết chế tư bản gián tiếp. *Thứ tư*, xã hội hoá phân phối. Tôn Trung Sơn cho rằng, thương nhân đã mua hàng hoá từ nhà sản xuất với một mức giá rất rẻ, sau đó bán lại cho người tiêu dùng, thu được lợi nhuận vô cùng lớn. Như thế, vô hình trung người tiêu dùng bị chịu tổn thất rất lớn do cách thức phân phối của các nhà tư bản. Vì vậy, cần phải thay đổi phương thức phân phối xã hội bằng cách chính phủ giao cho các tổ chức đoàn thể xã hội hoặc bản thân chính phủ đứng ra tiến hành phân phối hàng hoá trong xã hội. Tôn Trung Sơn đã lấy vài ví dụ điển hình như các hợp tác xã ở Anh hay việc một số chính phủ các quốc gia Âu - Mỹ tiến hành trực tiếp phân phối điện, than, bánh mì, sữa v.v... Về nguyên lý, phương pháp này có thể gọi là xã hội hoá phân phối. Nó có vai trò thủ tiêu sự bóc lột của các thương nhân, ngăn chặn tệ nạn tư bản thương nghiệp thao túng, lũng đoạn quá trình phân phối xã hội.

Như vậy, theo Tôn Trung Sơn hạn chế sự phát triển của tư bản tư nhân sẽ có tác dụng ngăn cản sự phát sinh của hiện tượng bất bình đẳng xã hội do sự chênh lệch giàu nghèo giữa tư bản tư nhân và người lao động tạo nên.

(2) *Phát triển tư bản nhà nước*. Cùng với việc "tiết chế tư bản tư nhân", Tôn Trung Sơn còn đề xuất đẩy mạnh phát triển tư bản nhà nước với hy vọng sẽ tạo ra được sức mạnh đối kháng chống lại sự áp chế về kinh tế của thế lực đế quốc.

Sau khi xem xét tình hình xã hội của các nước tư bản phương Tây, Tôn Trung Sơn nhận định rằng, đối với Trung Quốc, riêng biện pháp tiết chế tư bản tư nhân là không đủ vì Trung Quốc không so được với nước ngoài, nước ngoài giàu còn Trung Quốc nghèo, nước ngoài sản xuất quá dư thừa còn Trung Quốc sản xuất không đủ. Chính vì vậy, Trung Quốc không chỉ cần tiết chế tư bản tư nhân, mà còn nhất định phải phát triển tư bản nhà nước, chấn hưng công nghiệp. Mục đích của nó là phát triển thực nghiệp quốc gia, khai thác nguồn tài nguyên giàu có, tạo nên tư bản nhà nước. Phân tích kỹ hơn, có thể thấy ý nghĩa tích cực của việc phát triển tư bản nhà nước chính là lấy những doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn tạo ra của cải cho đất nước, đồng thời dùng những doanh nghiệp lớn này hạn chế phạm vi phát triển và lũng đoạn của tư bản tư nhân.

Tôn Trung Sơn đã đưa ra ba biện pháp căn bản để phát triển tư bản nhà nước, chấn hưng công nghiệp. *Thứ nhất*, phát triển giao thông. Tôn Trung Sơn từng nói: "Giao thông là cha đẻ của thực nghiệp"⁷. Không có giao thông thì bộ máy nhà nước sẽ vận động kém linh hoạt, sự nghiệp xây dựng đất nước sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì thế, phát triển tư bản nhà nước, điểm trọng tâm đầu tiên chính là phải phát triển giao thông, lấy giao thông để phát triển công nghiệp và khai khoáng. Trọng tâm xây dựng và phát triển giao thông của Tôn Trung Sơn trong kế hoạch phát triển thực nghiệp chính là mở các thương cảng và thành thị, tu sửa lại đường sông, xây dựng đường sắt, đường bộ, chế tạo tàu thuyền,

ô tô v.v... Các công trình giao thông đòi hỏi phải có quy mô lớn. *Thứ hai*, phát triển ngành khai khoáng. Thực chất đây là nền tảng cho việc xây dựng nền công nghiệp hiện đại, bởi vì ngành khoáng sản là ngành cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho công nghiệp, mà Trung Quốc lại rất giàu khoáng sản. Tiềm năng khoáng sản phong phú của Trung Quốc nhất định cần phải được khai thác. *Thứ ba*, phát triển công nghiệp. Theo quan điểm của Tôn Trung Sơn, công nghiệp Trung Quốc cần nhanh chóng phát triển. Tuy công nhân Trung Quốc rất đông nhưng không có máy móc nên không thể cạnh tranh được với nước ngoài. Toàn quốc đều phải dùng hàng hoá nhập khẩu. Vì vậy, muốn tránh sức ép về kinh tế của tư bản nước ngoài, Trung Quốc cần phải mau chóng dùng lực lượng nhà nước để chấn hưng công nghiệp, dùng máy móc để sản xuất, tạo công ăn việc làm cho công nhân cả nước. Công nhân cả nước đều có việc làm, đều có thể dùng máy móc để sản xuất ra hàng hoá, như thế là đã khai thác được một nguồn tài nguyên mới rất lớn. Nếu để tư nhân hoặc tư bản nước ngoài nhảy vào lĩnh vực này thì nhất định tư bản tư nhân sẽ phát triển mạnh, nảy sinh hiện tượng bất công bằng về vật chất trong xã hội.

Ngoài ra, Tôn Trung Sơn còn lưu ý rằng, trong việc phát triển tư bản nhà nước, cần chú trọng quy hoạch, giải quyết tốt một số vấn đề như phải xây dựng được một kế hoạch cụ thể có tính khả thi; xây dựng nguồn vốn (nguồn vốn có thể đi vay từ nước ngoài nhưng nhất định mình phải nắm quyền chủ động sử dụng và sử dụng vào những việc có ích);

xây dựng một đội ngũ nhân viên lãnh nghề, có trình độ cao bằng cách trực tiếp đào tạo nhân tài trong nước và thuê nhân công nước ngoài; xây dựng cơ chế giám sát hợp lý để giám sát hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp, đồng thời ngăn chặn hiện tượng tiêu cực tham ô, lãng phí v.v...

Như vậy, có thể thấy, với chủ trương “tiết chế tư bản tư nhân”, “phát triển tư bản nhà nước”, Tôn Trung Sơn mong muốn tạo nên sự công bằng về quyền lợi vật chất cho mọi người trong xã hội, cũng như sức mạnh nội tại của quốc gia để chống lại những áp lực về kinh tế từ bên ngoài. Tất cả những điều này đều nhằm mang lại một cuộc ấm no, hạnh phúc cho nhân dân Trung Quốc.

3. Tôn Trung Sơn với vấn đề ăn và mặc

Sau khi đưa ra chủ trương *binh quân địa quyền* và *tiết chế tư bản* nhằm giải quyết vấn đề dân sinh về mặt chế độ, Tôn Trung Sơn đã đề cập đến những vấn đề thực tế cụ thể của Chủ nghĩa Dân sinh. Đó chính là vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại. Tuy nhiên, do bệnh nặng qua đời, ông đã không kịp hoàn thành tâm nguyện của mình là sẽ giảng 6 bài về Chủ nghĩa Dân sinh. Song, trong bài giảng thứ ba và thứ tư, vấn đề ăn và mặc đã được ông phân tích rất tỉ mỉ.

(1) *Vấn đề ăn*. Người Trung Quốc có câu: “Dân dĩ thực vi thiên” (Dân lấy ăn làm trời). Quả thực, ăn là một việc rất dễ mà con người vẫn thường quen làm hàng ngày, nhưng nó lại là một vấn đề dân sinh vô cùng quan trọng. Nếu không giải quyết tốt thì sẽ không hoàn thành được

Chủ nghĩa Dân sinh, vì điều này có liên quan tới sự tồn vong của con người.

Trung Quốc thời kỳ cận đại, ăn thực sự trở thành một vấn đề cấp thiết cần phải nhanh chóng được giải quyết. Dân số Trung Quốc thời kỳ này rất đông nhưng luôn trong tình trạng đói nghèo. Nguyên nhân chủ yếu là do nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, phương thức sản xuất tiểu nông, thêm vào đó lại bị nước ngoài câu kết với thế lực phong kiến áp bức về kinh tế. Nói về tình hình nông nghiệp Trung Quốc thời kỳ cận đại, Tôn Trung Sơn đã phân tích: "Trung Quốc hiện nay tuy không có địa chủ nhưng có đến 90% nông dân nói chung là không có ruộng, ruộng mà họ cày cấy phần lớn là của địa chủ. Người có ruộng phần lớn không tự cày cấy. Lý ra, nông dân phải cày ruộng cho mình, nông phẩm làm ra phải thuộc quyền sở hữu của mình. Nông dân hiện nay không cày ruộng của mình, mà cày ruộng cho địa chủ, nông phẩm sản xuất ra, quá nửa bị địa chủ cướp đi. Đây là một vấn đề rất nghiêm trọng, chúng ta cần dùng chính trị và luật pháp để giải quyết ngay, nếu không giải quyết vấn đề này sẽ không thể giải quyết được vấn đề dân sinh. Lương thực mà người nông dân làm ruộng thu được, theo điều tra gần đây nhất của chúng ta tại nông thôn, 6/10 là thuộc về địa chủ, nông dân chỉ được 4/10. Như vậy là rất không công bằng"⁸.

Từ những phân tích trên đây, chúng ta thấy rằng, trong xã hội cận đại Trung Quốc đầu thế kỷ XX, địa chủ là tầng lớp cản trở sự phát triển sản xuất, là lực cản của tiến bộ xã hội, là nguyên nhân gây ra tình trạng đói nghèo và thiếu thốn

lương thực. Vì vậy, muốn mở đường cho sức sản xuất phát triển thì cần phải xoá bỏ quan hệ sản xuất đã lỗi thời này bằng cách thực thi chính sách bình quân hoá quyền sở hữu ruộng đất, nhằm đảm bảo quyền được hưởng những thành quả lao động đúng với sức mình bỏ ra của người nông dân. Một khi người nông dân có quyền sở hữu toàn bộ những sản phẩm do mình làm ra thì nhất định họ sẽ rất phấn khởi, sức sản xuất lại càng tăng cao.

Đối với sản xuất nông nghiệp, ngoài vấn đề giải phóng nông dân như đã nêu ở trên, Tôn Trung Sơn còn đưa ra thêm 7 phương pháp nhằm tăng cường sản xuất: *Thứ nhất* là sử dụng máy móc, *thứ hai* là sử dụng phân bón, *thứ ba* là thay đổi giống, *thứ tư* là trừ sâu bệnh, *thứ năm* là chế biến, *thứ sáu* là vận chuyển, *thứ bảy* là phòng ngừa thiên tai.

Song, sau khi phân tích kỹ càng hơn, Tôn Trung Sơn nhận thấy, mặc dù đã giải phóng được nông dân và thực hiện được 7 phương pháp tăng sản xuất, nhưng vấn đề lương thực vẫn chưa hoàn toàn được giải quyết. Một điểm quan trọng nữa không thể thiếu được trong việc giải quyết vấn đề dân sinh chính là vấn đề phân phối lưu thông sản phẩm lương thực trong cả nước. Mà việc phân phối lương thực ở Trung Quốc lại không thể tiến hành giống như ở các nước Âu - Mỹ được. Các nước Âu - Mỹ tiến hành phân phối lương thực theo mục tiêu lợi nhuận, bởi vì nó nằm trong tay các nhà tư bản tư nhân. Còn ở Trung Quốc, với phương pháp phân phối chỉ lấy lợi nhuận làm mục tiêu, chắc chắn vấn đề dân sinh sẽ không bao giờ có thể giải

quyết được tận gốc. Phương pháp phân phối mà Trung Quốc cần áp dụng là cung cấp lương thực cho mọi người chứ không phải là chạy theo lợi nhuận, bởi vì Trung Quốc vốn rất thiếu lương thực, cuộc sống của đại đa số nhân dân luôn trong tình trạng đói kém. Thực hiện Chủ nghĩa Dân sinh thì mục tiêu của sản xuất lương thực không phải là lợi nhuận, mà là nuôi dưỡng nhân dân. Để giải quyết tốt vấn đề này, Tôn Trung Sơn đề xuất “phải đem lương thực thừa hàng năm tích trữ lại, để không những năm nay, mà năm sau, năm sau nữa vẫn đủ lương thực”⁹. Qua đây, chúng tôi cho rằng, điểm khác nhau cơ bản giữa Chủ nghĩa Dân sinh và chủ nghĩa tư bản là ở chỗ chủ nghĩa tư bản lấy việc kiếm tiền làm mục đích, còn Chủ nghĩa Dân sinh lấy việc nuôi dưỡng dân làm tôn chỉ của mình.

Như vậy, để giải quyết vấn đề ăn - vấn đề quan trọng nhất và cấp thiết nhất trong đời sống hàng ngày của nhân dân, thì nhất thiết phải giải quyết tốt vấn đề lương thực thông qua hai bước, trước hết là giải quyết vấn đề sản xuất, khiến cho lương thực thật đầy đủ, sau đó thực hiện việc phân phối công bằng. Khi vấn đề ăn được giải quyết, mọi vấn đề khác cũng sẽ được giải quyết theo một cách thuận lợi.

Vấn đề mặc. Mặc cũng là một nhu cầu quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống. Việc mặc của con người phát triển từ chỗ mặc những thứ cần thiết sang mặc những thứ tiện lợi, thoải mái; từ chỗ tiện lợi thoải mái đến chỗ mặc những cái đẹp, sang trọng. Tuy nhiên, Chủ nghĩa

Dân sinh của Tôn Trung Sơn hoàn toàn không phải là nhằm giải quyết những thứ tạo ra sự nhàn nhã, tiện nghi, sảng khoái, cũng không phải là nhằm giải quyết những thứ xa xỉ, mà chỉ giải quyết những thứ cần thiết, tức là phải làm cho 400 triệu người dân Trung Quốc lúc đó có đủ cái ăn, cái mặc cần thiết. Để đáp ứng đủ nhu cầu mặc, Tôn Trung Sơn cho rằng trước hết cần phải nghiên cứu việc sản xuất ra nguyên liệu phục vụ cho ngành may mặc. Nguyên liệu chủ yếu gồm 4 loại: tơ, lông, bông, đay. Cả bốn nguyên liệu này Trung Quốc đều rất sẵn, thậm chí kỹ thuật dệt tơ, đay cũng được người Trung Quốc phát minh ra từ rất sớm. Nhưng hiện Trung Quốc phải chịu thiệt thòi lớn khi phải xuất khẩu nguyên liệu thô ra nước ngoài với giá rẻ, sau đó lại mua lại những sản phẩm may mặc được nước người sản xuất bằng nguyên liệu của Trung Quốc với giá rất cao. Sở dĩ xảy ra tình trạng như trên là do khoa học kỹ thuật của Trung Quốc quá lạc hậu, trình độ phát triển công cụ lao động kém. Mặc dù Trung Quốc phát minh ra kỹ thuật dệt từ rất lâu, nhưng suốt cả một quãng thời gian dài không chịu cải tiến kỹ thuật, dần dần kỹ thuật của Trung Quốc trở nên lạc hậu, không thể sản xuất ra các sản phẩm dệt may có chất lượng, phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của con người. Chính vì vậy, Trung Quốc phải chịu sức ép rất lớn về kinh tế từ việc “mua đắt, bán rẻ”. Từ đó, Tôn Trung Sơn nhấn mạnh, muốn giải quyết tốt vấn đề mặc, đồng thời với việc chú trọng phát triển nông nghiệp để tạo ra nhiều nguyên liệu, còn cần phải cải tiến

khoa học kỹ thuật, tạo tiền đề phát triển công nghiệp, và bảo hộ nền công nghiệp tránh khỏi sự lấn át của nước ngoài. Muốn làm được điều này, trước hết phải bắt đầu từ mặt chính trị, xoá bỏ tất cả các hiệp ước bất bình đẳng, thu hồi quyền quản lý hải quan hiện đang nằm trong tay người nước ngoài. Có như vậy, chúng ta mới có thể tự do tăng thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách bảo hộ hàng hoá nội địa, hàng nước ngoài sẽ không thâm nhập được vào thị trường trong nước, nhờ đó công nghiệp trong nước mới có thể phát triển. Trung Quốc cần đề xướng dùng hàng nội địa, chống lại hàng hoá phương Tây.

Qua tất cả những điều trình bày trên đây, có thể thấy, Trung Quốc cận đại muốn giải quyết vấn đề mặc thì cần phải “dùng lực lượng lớn của toàn quốc để đề ra một kế hoạch thống nhất, trước hết khôi phục chủ quyền chính trị, dùng lực lượng của nhà nước để kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp tơ, đay, bông, len dạ. Cần thu hồi hải quan để bảo hộ bốn ngành nông nghiệp và công nghiệp này, tăng thuế xuất khẩu nguyên liệu và thuế nhập khẩu hàng Tây”¹⁰. Có làm như vậy thì vấn đề nguyên liệu và hàng hoá dệt may ở Trung Quốc mới có thể được giải quyết, và vấn đề mặc trong Chủ nghĩa Dân sinh mới có thể coi là hoàn thành.

Như vậy, Chủ nghĩa Dân sinh trong giai đoạn mới của Tôn Trung Sơn so với Chủ nghĩa Dân sinh cũ đã nhiều thay đổi và bổ sung mang tính tiến bộ. Cương lĩnh và chương trình hành động của nó rõ ràng, thực tế và cụ thể hơn, phù hợp

với hoàn cảnh và đặc điểm của tình hình mới ở Trung Quốc lúc bấy giờ. Nó đã phác hoạ ra một chiến lược phát triển kinh tế khá quy mô. *Bình quân địa quyền* và *tiết chế tư bản* là con đường mà nền kinh tế Trung Quốc tất yếu phải trải qua trong giai đoạn cách mạng dân chủ. Nó còn là bài học kinh nghiệm quý báu cho công cuộc cải cách, phát triển kinh tế của Trung Quốc giai đoạn sau.

III. Ý NGHĨA CỦA CHỦ NGHĨA DÂN SINH

Chủ nghĩa Dân sinh tuy được Tôn Trung Sơn đề cập đến sau cùng trong hệ thống học thuyết cách mạng của mình nhưng nó lại có ý nghĩa rất to lớn trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành lại nền độc lập tự chủ và quyền tự do dân chủ cho nhân dân, bởi sau khi cuộc cách mạng dân tộc, dân quyền về cơ bản đã hoàn thành, Chủ nghĩa Dân sinh sẽ là nhân tố có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển phồn vinh, hiện đại của Trung Quốc. Điều này đã khiến cho những quan điểm trong Chủ nghĩa Dân sinh của Tôn Trung Sơn được đánh giá là tiến bộ và phù hợp với tiến trình lịch sử của Trung Quốc suốt từ thời kỳ cận đại cho đến tận ngày nay.

Chủ nghĩa Dân sinh ra đời gắn với sứ mạng lịch sử là giải quyết vấn đề ấm no, hạnh phúc cho toàn dân, tiến đến khiến cho Trung Quốc phát triển thành một quốc gia hùng mạnh. Xuất phát từ tư tưởng *lấy dân làm gốc*, Chủ nghĩa Dân sinh đề ra khẩu hiệu “bình quân địa quyền” và “tiết chế tư bản” là những biện pháp cụ thể để giải quyết triệt để

vấn đề dân sinh cơ bản như ăn, mặc, ở, di lại... mà trong đó, ăn (lương thực) là vấn đề cấp thiết nhất. Đây chính là lời giải đáp cho vấn đề lịch sử nóng bỏng vào thời điểm Tôn Trung Sơn sống, phần nào đáp ứng được nguyện vọng của người dân Trung Quốc. Vì thế, nó đã lôi cuốn được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia vào cách mạng.

Sau cách mạng Tân Hợi năm 1911, và đặc biệt là kể từ khi cuộc cách mạng tháng Mười Nga giành thắng lợi, bối cảnh quốc tế và hoàn cảnh lịch sử trong nước đã có những tác động rất lớn đến sự chuyển biến tư tưởng của Tôn Trung Sơn. Trong lý luận về Chủ nghĩa Dân sinh, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh giải quyết vấn đề lương thực và cuộc sống cho nhân dân, Tôn Trung Sơn còn chủ trương thúc đẩy phát triển mạnh kinh tế trên nền tảng phát triển nền công nghiệp quốc gia. *Kế hoạch thực nghiệp* với chủ trương xây dựng nền sản xuất “đại quy mô cơ khí”, xây dựng các ngành công nghiệp then chốt, giành quyền quản lý công nghiệp về tay người Trung Quốc, xây dựng các khu kinh tế ven biển, mở các cảng khẩu... nhằm tăng cường hội nhập với thế giới bên ngoài v.v... tuy ngay vào thời điểm đó chưa thực sự phát huy hết tác dụng của nó, nhưng phần nào cũng đã khiến cho nền kinh tế xã hội của Trung Quốc cận đại thoát khỏi sự đói nghèo, lạc hậu.

Tóm lại, Chủ nghĩa Tam dân nói chung, Chủ nghĩa Dân sinh nói riêng của Tôn Trung Sơn được hình thành và phát triển trong một bối cảnh lịch sử nhất định của Trung Quốc đầu thế kỷ

XX với hy vọng có thể giải quyết được những vấn đề thực tế trong đời sống xã hội của nước này, sau khi đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc và dân quyền. Có thể nói rằng, cho đến nay, những tư tưởng và giải đáp mà Tôn Trung Sơn đề xướng trong Chủ nghĩa Dân sinh vẫn là những vấn đề mang tính thời sự.

CHÚ THÍCH:

¹ *Tôn Trung Sơn tuyển tập (quyển hạ)*, NXB Nhân dân, Bắc Kinh, 1962, tr. 765 (tiếng Trung).

² Vương Học Hoa - *Tư tưởng triết học Tôn Trung Sơn*, NXB Sự thật, 1962, tr. 30.

³ Tôn Trung Sơn - *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 320.

⁴ Tôn Trung Sơn - *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 327.

⁵ Nguyễn Anh Thái - *Chủ nghĩa Tam dân và vị trí lịch sử trọng đại của nó*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 5 - 1996, tr. 33.

⁶ Tôn Trung Sơn - *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 362.

⁷ Từ Quang Minh - *Tư tưởng Quốc phụ*, Đông Hoa thư cục, Đài Bắc, 2003, tr. 178 (tiếng Trung).

⁸ *Tôn Trung Sơn tuyển tập (quyển hạ)*, NXB Nhân dân, Bắc Kinh, 1962, tr. 811 (tiếng Trung).

⁹ Tôn Trung Sơn - *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 392.

¹⁰ Tôn Trung Sơn - *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 416.